

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CẬP NHẬT CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Tên viết tắt: ANGIMECO (AMC)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0296.3852969

Fax: 0296.3853052

Website: www.cokhiangiang.com.vn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí Thành

Chức danh: Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Bất thường Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cập nhật thông tin tại Báo cáo thường niên năm 2017. Cụ thể:

- Cập nhật thông kê cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 31/12/2017
- Cập nhật số lượng cổ phần của người nội bộ tính đến thời điểm 31/12/2017

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://cokhiangiang.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

An Giang, ngày 23 tháng 05 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chí Thành



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



THÔNG TIN CHUNG

03

Thông tin khái quát

04

Quá trình hình thành và phát triển

05

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

07

Sơ đồ tổ chức

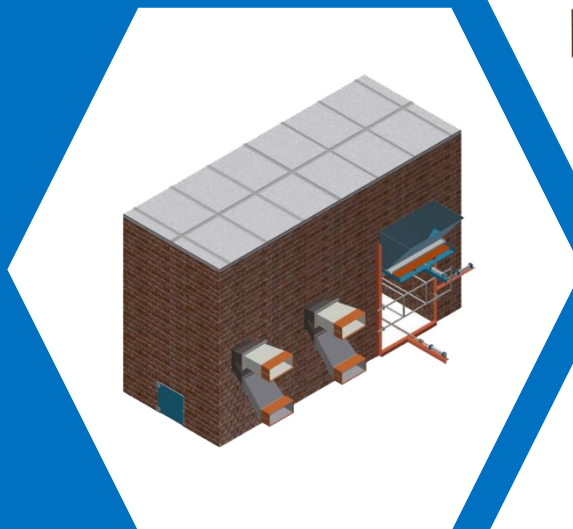
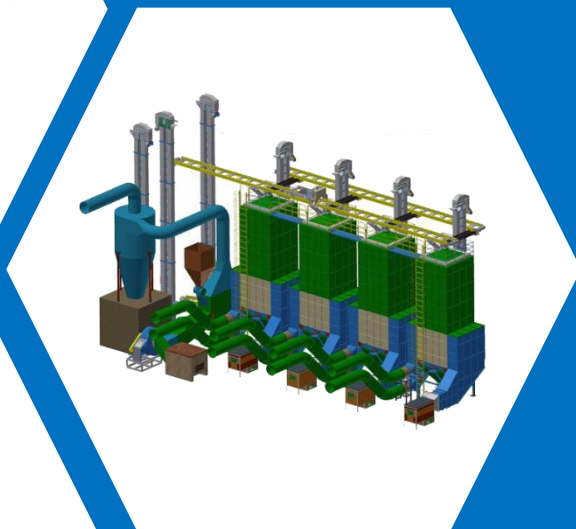
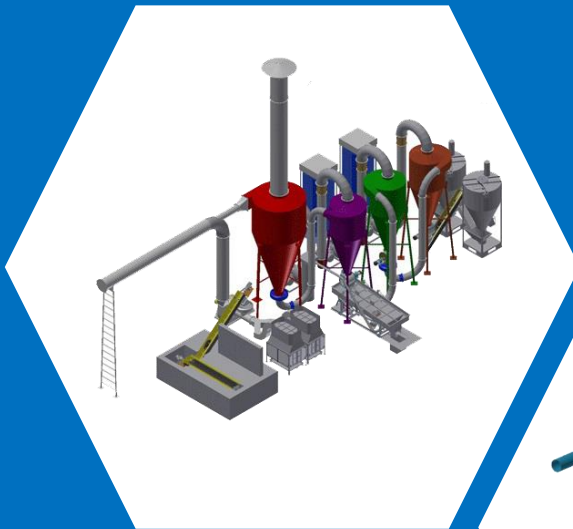
09

Tầm nhìn, chiến lược và định hướng phát triển

11

Quản trị rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Tên viết tắt	: ANGIMECO (AMC)
Tên tiếng Anh	: AN GIANG MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	: CKA
Vốn điều lệ	: 32.864.040.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 32.864.040.000 đồng
Trụ sở chính	: Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	: 0296.3852969
Fax	: 0296.3853052
Website	: www.cokhiangiang.com.vn
Giấy CNĐKDN	: số 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 07/06/2017.

1976

Ngày 04/09/1976, Xí Nghiệp Cơ Khí tỉnh được thành lập theo quyết định số 117/QĐ của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

1992

Ngày 21/11/1992, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được thành lập lại theo Nghị định số 388/HĐ.BT của Hội Đồng Bộ Trưởng trên cơ sở sáp nhập các Xí Nghiệp Cơ Khí Huyện và Thị xã vào để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang.

1999

Ngày 20/04/1999, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ Khí An Giang theo quyết định số 764/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang và tiếp tục hoạt động cho đến ngày hôm nay.

2007

- Ngày 29/05/2007, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp có QĐ số 17/MĐL-NN/QĐ-HĐQT về việc tiếp nhận Công ty Cơ Khí An Giang về làm thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp.
- Ngày 07/12/2007, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080, hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2009

Ngày 24/03/2009, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 19.427.170.000 đồng lên 28.577.430.000 đồng.

2013

Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 28.577.430.000 đồng lên 32.864.040.000 đồng.

2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỉ niệm 40 năm thành lập Công ty (04/09/1976 - 04/09/2016).

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại	2599 (Chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá	0810
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. - Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép - Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép. - Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.	2395
4	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc kim loại, á kim	2431
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác. Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị	2829
6	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện	2710
7	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơmoóc - Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác - Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ	3099
8	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại	3830
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật. Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình	4390
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép - Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình - Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ - Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy	7410
12	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ	4520
13	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)	4651

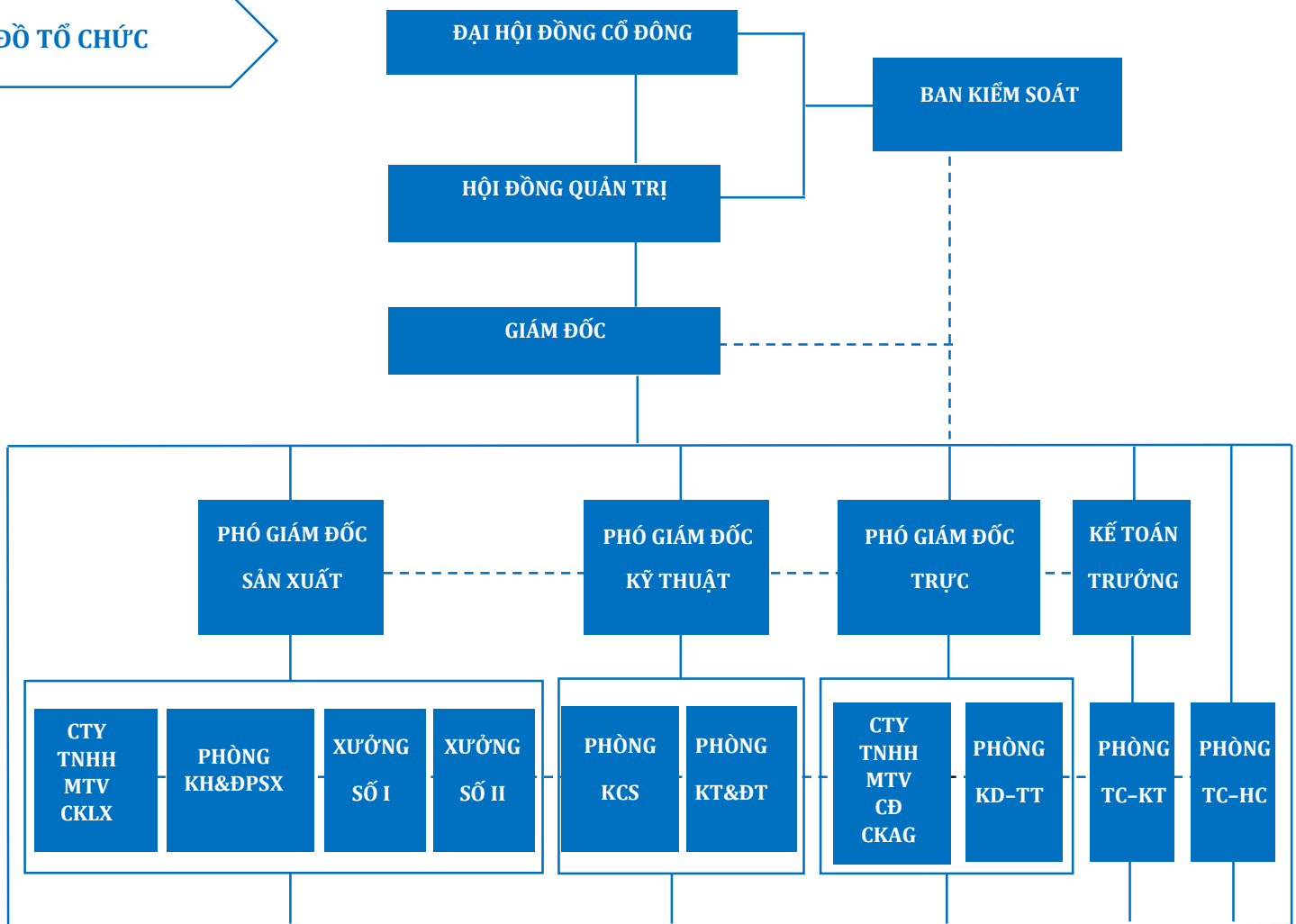
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)	4662
15	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4513
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô	4530
17	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại	3091
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bò	4661
19	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác nước khoáng	0899
20	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan	3011
21	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	4210

Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, với diện tích khoảng bốn triệu héc-ta, đồng bằng Sông Cửu Long sản xuất 50% sản lượng lương thực và đóng góp 20% GDP cả nước.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Thông tin	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con	
<p>CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYÊN Địa chỉ: 1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3833792 – 2211314 – 834365 Fax: 0296.3835770 Vốn điều lệ: 4.584.859.059 đồng</p>	<p>Công ty nắm giữ 100%</p>
<p>CÔNG TY TNHH MTV CẦU ĐƯỜNG CƠ KHÍ AN GIANG Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3989753 Fax: 0296.3989755 Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng</p>	<p>Công ty nắm giữ 100%</p>
Công ty liên doanh	
<p>CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO Địa chỉ: Ấp Rò Leng, xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3874616 Fax: 0296.3772249 Vốn đầu tư vào Công ty TNHH Liên Doanh Antraco là 7.956.213.357 đồng</p>	<p>Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên Doanh Antraco. Tỷ lệ quyền đồng kiểm soát 50%.</p>

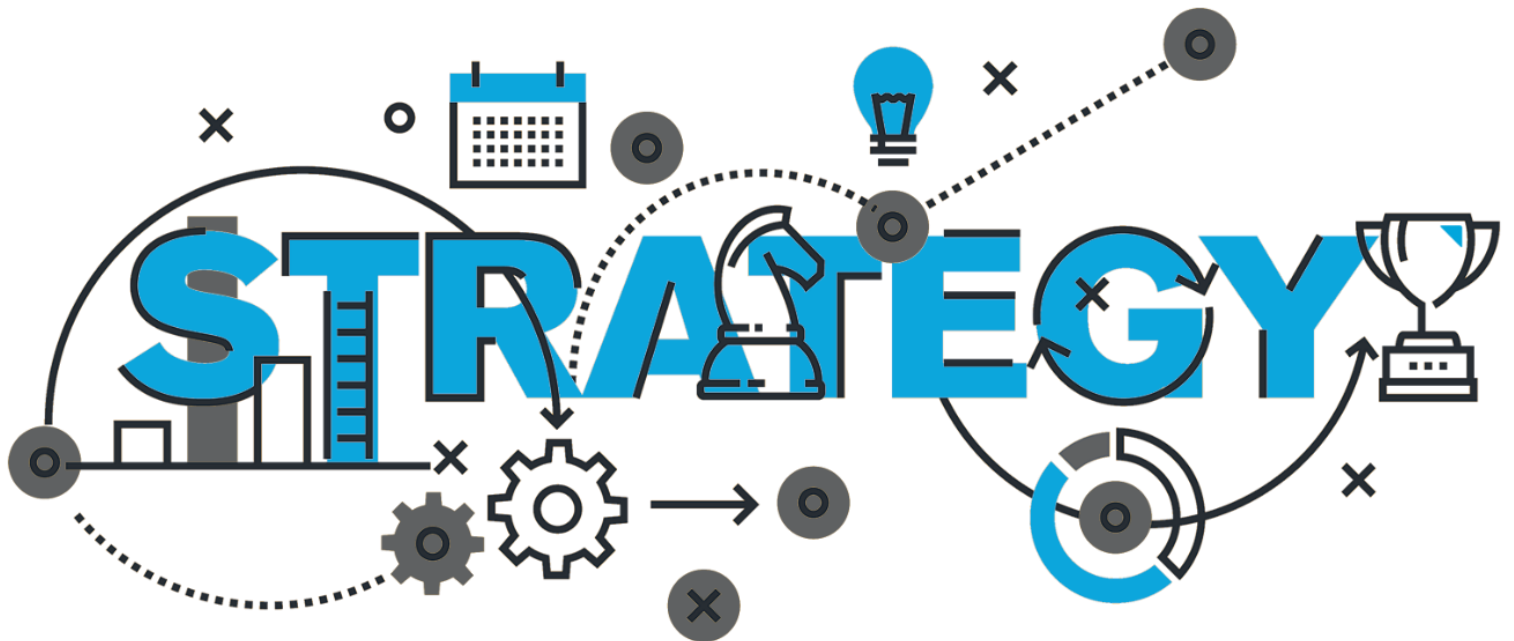


TẦM NHÌN, CHIẾN LƯỢC VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Nằm trong trung tâm nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Cửu Long và của cả nước, Cơ Khí An Giang được trao sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa, hiện đại hóa nông thôn và sản xuất nông nghiệp.

Công ty luôn cố gắng, nỗ lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, và để duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty không những thống lĩnh thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.
- BGD điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, qui chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Mục tiêu đối với môi trường

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.
- Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Công ty luôn thấu hiểu việc phát triển bền vững của Doanh nghiệp luôn đi cùng với việc phát triển cộng đồng và xã hội. Với một môi trường cộng đồng, xã hội vững mạnh, đoàn kết, phát triển thì sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực đối với doanh nghiệp và ngược lại. Vì lý do đó, Công ty luôn đặt sự phát triển của mình đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, luôn góp phần hỗ trợ giúp cộng đồng và địa phương ngày càng vững mạnh hơn.

Rủi ro kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016.

Ngành nông nghiệp năm 2017 tăng 2,07%, cao hơn mức tăng 0,72% của năm 2016, cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành nông nghiệp sau những ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016, xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản phẩm trong nội bộ ngành theo hướng đầu tư vào những sản phẩm có giá trị kinh tế cao cũng đã mang lại hiệu quả. Các sản phẩm chính của Công ty với đầu ra dùng để phục vụ nông nghiệp, cụ thể là ngành lương thực, do đó, việc tình hình ngành nông nghiệp trong năm qua được cải thiện cũng là một tín hiệu tích cực đối với Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, thuế VAT của vật tư nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất máy nông nghiệp không được khấu trừ, dẫn đến việc chi phí sản xuất của ngành nói chung và Công ty nói riêng tương đối cao. Hơn thế nữa, vật tư, nguyên liệu đầu vào của ngành cơ khí chế tạo máy đa phần là phải nhập khẩu, giá cả, chủng loại, chất lượng không ổn định. Do đó, việc quản lý nguyên vật liệu đầu vào và tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp luôn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.



Rủ ro pháp luật

Công ty hiện đang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng. Do đó, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán cùng với các văn bản pháp luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới. Để phù hợp với các quy định của quốc tế, sự thay đổi về chính sách quản lý, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp như Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71, là điều tất yếu để phù hợp với các yêu cầu, thông lệ quốc tế, nâng cao khả năng quản trị của các doanh nghiệp. Ban điều hành luôn lưu ý và cập nhật các văn bản pháp luật mới nhất có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo tuân thủ sự quản lý của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành.

Rủ ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như: Bão lớn, hỏa hoạn, lũ lụt, động đất,... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty để hạn chế bớt các rủi ro này.



TÌNH HÌNH TRONG NĂM

15

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

16

Tổ chức và nhân sự

25

Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

26

Tình hình tài chính

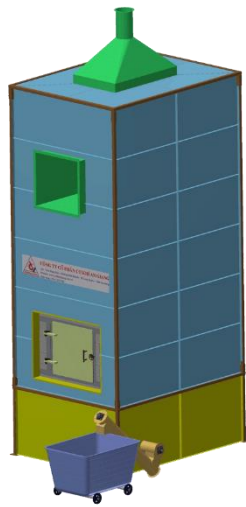
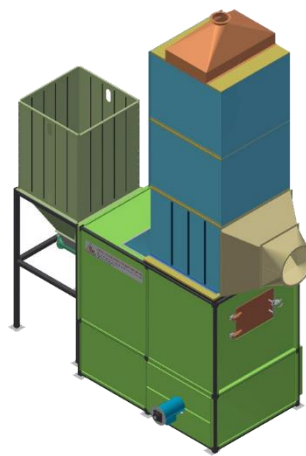
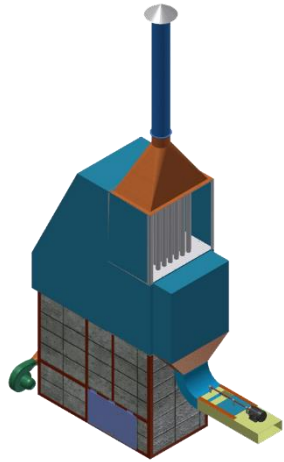
27

Tình hình cổ đông

28

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	119.465	122.328	2,40%
2	Doanh thu thuần	179.310	130.055	-27,47%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.758	19.438	15,99%
4	Lợi nhuận khác	391	1.882	381,14%
5	Lợi nhuận trước thuế	17.150	21.320	24,32%
6	Lợi nhuận sau thuế	16.520	21.087	27,65%

Năm 2017 vừa qua, Công ty gặp nhiều khó khăn do giá cả vật tư nguyên liệu đầu vào luôn tăng, trong khi giá cả ký được hợp đồng ngày càng cạnh tranh về giá. Vừa phải làm hài lòng khách hàng về dịch vụ mà còn phải làm hài lòng về giá cả. Ngoài ra, tình hình xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam mặc dù trong năm có được cải thiện so với năm 2016 nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, do giá lúa chưa cao, ảnh hưởng đến các công ty xuất nhập khẩu trong nước và người nông dân.

Tuy nhiên, trong thời gian tới, với tình hình máy gặt lúa xuất khẩu đang gặp thuận lợi tại các thị trường xuất khẩu nước ngoài vào dịp cuối năm 2017, cùng với việc tiếp tục đầu tư hiện đại hóa thiết bị và công nghệ, nhằm nâng cao năng lực chế tạo, cải tiến mẫu mã, tính năng sản phẩm. Bên cạnh uy tín thương hiệu Công ty cổ phần Cơ Khí An Giang từ lâu đã được nhiều người biết đến và đòi hỏi kỹ thuật chất lượng cao. Công ty mong đợi tình hình hoạt động kinh doanh sẽ ngày càng được cải thiện.



ÔNG VÕ THANH TUẤN – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày/tháng/năm sinh	01/09/1958
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

- Từ 5/1981 – 9/1989: Trưởng phòng KCS Nhà máy dụng cụ đo cơ khí Nhà Bè
- Từ 10/1989 – 11/1995: Trưởng phòng KCS Công ty Vikyno
- Từ 11/1995 – 12/1999: Phó giám đốc nhà máy Vflame
- Từ 01/2000 – 5/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Vikyno
- Từ 6/2002 – 4/2006: Phó Giám đốc Công ty Vikyno
- Từ 5/2006 – 12/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Szuki Việt Nam
- Từ 01/2011– nay: Giám đốc Chi nhánh Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) tại TPHCM
- Từ 25/4/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	TV HĐQT CTCP KumBa, TV HĐQT Công ty TNHH Liên Doanh Antraco		
Số lượng cổ phần nắm giữ	934.850 cổ phần	- Tỷ lệ:	28,45%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEAM)	934.850 cổ phần	- Tỷ lệ:	28,45%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	- Vợ Ngô Thị Tuyết Lan: 12.679 cổ phần		

ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC

Ngày/tháng/năm sinh	12/8/1961
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác:

- Từ 18/2/1985 – 14/7/1986: Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 15/7/1986 – 31/01/1989: Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử mới, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 01/01/1990 – 14/11/1990: Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Gò hàn – Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
- Từ 15/11/1990 – 31/7/1991: Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 01/8/1991 – 18/2/1992: Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 19/2/1992 – 21/5/1993: Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 22/5/1993 – 19/03/1995: Phó phòng Kỹ thuật KCS, Xí nghiệp Cơ khí AG
- Từ 20/3/1995 – 31/7/1995: Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí AG
- Từ 01/8/1995 – 23/10/1996: Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 24/10/1996 – 05/5/1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 06/5/1999 – 09/11/2007: Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang
- Từ 10/11/2007 – 31/12/2007: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
- Từ 01/01/2008 – 08/9/2011: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên
- Từ 09/9/2011 – 31/5/2015: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
- Từ 01/6/2015 – nay: TV HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	TV HĐQT – Giám đốc Công ty		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD Antraco		
Số lượng cổ phần nắm giữ	120.108 cổ phần	- Tỷ lệ:	3,65%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	120.108 cổ phần	- Tỷ lệ:	3,65%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	- Vợ Trần Thị Muội: 30.000 cổ phần		

ÔNG TRẦN VĂN THÁI – THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày/tháng/năm sinh	03/01/1963
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy

Quá trình công tác:

- Từ 18/2/1985 – 31/7/1985: Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
- Từ 01/8/1985 – 14/7/1986: Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
- Từ 15/7/1986 – đến 05/5/1993: Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 06/5/1993 – 23/2/1994: Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 24/2/1994 – 14/3/1995: Phó trưởng xưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 15/3/1995 – 31/7/1995: Phó Quản đốc Xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 01/8/1995 – 09/3/1996: Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 10/3/1996 – 18/6/1997: Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 19/6/1997 – 23/11/1998: Trưởng ban Ban Tiếp thị & Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
- Từ 24/11/1998 – 05/05/1999: Trợ lý Giám đốc – Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
- Từ 06/05/1999 – 11/5/1999: Trợ lý Giám đốc kiêm Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang
- Từ 12/5/1999 – 27/4/2000: Trợ lý Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang
- Từ 28/4/2000 – 18/11/2007: Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang
- Từ 19/11/2007 – nay: TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch công ty, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang, TV HDTV Công ty Antraco		
Số lượng cổ phần nắm giữ	27.442 cổ phiếu	- Tỷ lệ:	0,84%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	27.442 cổ phiếu	- Tỷ lệ:	0,84%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		

ÔNG LÊ THANH VÂN - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày/tháng/năm sinh	16/12/1964
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí, ngành Đúc nhiệt luyện

Quá trình công tác:

- Từ 15/01/1990 – 31/3/1990: Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Đúc, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh
- Từ 01/4/1990 – 20/11/1992: Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh
- Từ 21/11/1992 – 18/06/1997: Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
- Từ 19/06/1997 – 06/10/1998: Phó phòng Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
- Từ 07/10/1998 – 01/11/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
- Từ 02/11/1998 – 08/9/2011: Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
- Từ 09/9/2011 – 08/6/2014: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
- Từ 09/6/2014 – nay: TV HĐQT, kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	TV HĐQT, kiêm Phó Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên; Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty TNHH LD ANTRACO		
Số lượng cổ phần nắm giữ	92.615 cổ phần	- Tỷ lệ:	2,82%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	92.615 cổ phần	- Tỷ lệ:	2,82%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		

ÔNG NGUYỄN MINH NGỌC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày/tháng/năm sinh	12/10/1969
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí; Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 12/1993 – 5/2006: Thiết kế viên Công ty Máy kéo máy nông nghiệp
- Từ 5/2006 – 12/2007: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty XD công trình Sông Hồng
- Từ 01/2009 – 02/2010: Chuyên viên phòng nghiên cứu và phát triển Tổng Công ty VEAM
- Từ 02/2010 – 12/2016: Phó trưởng phòng Nghiên cứu và phát triển Tổng Công ty VEAM
- Từ 01/2017 – nay: Phó trưởng ban kỹ thuật và nghiên cứu phát triển Tổng Công ty VEAM
- Từ 25/4/2015 – nay: TV HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	TV HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí An Giang		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó trưởng ban Kỹ thuật và nghiên cứu phát triển Tổng Công ty VEAM; Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo.		
Số lượng cổ phần nắm giữ	623.222 cổ phần	- Tỷ lệ:	18,96%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	623.222 cổ phần	- Tỷ lệ:	18,96%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG QUÁCH KIM LONG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày/tháng/năm sinh	29/03/1964
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1984 - 1988: Kế toán tổng hợp Công ty lương thực TX Châu Đốc.
- Từ 1989 - 1990: Phó phòng kế toán Công ty lương thực TX Châu Đốc
- Từ 1991 - 1992: Kế toán trưởng Công ty LD CB&KD LTTP An Giang
- Từ 1992 - 1993: Công tác tại đội thanh tra Giao thông Châu Đốc (thanh tra viên)
- Từ 1994 - 9/1996: Kế toán BQL Dự án Châu Đốc
- Từ 10/1996 - 2003: Phó phòng kế toán Công ty TNHH LD Antraco
- Từ 2003 - 6/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH LD Antraco
- Từ 7/2010 - 10/2013: Phó Giám đốc Công ty TNHH LD Antraco
- Từ 10/2013 - 02/2014: Quyền Giám đốc Công ty TNHH LD Antraco
- Từ 03/2014 - nay: Giám đốc Công ty TNHH LD Antraco
- Từ 25/4/2014 - 24/4/2015: Thành viên BKS Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
- Từ 25/04/2015 - nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Công ty Antraco.		
Số lượng cổ phần nắm giữ	18.354 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,56%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	18.354 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,56%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan.	Không		

BÀ NGUYỄN THANH VI – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày/tháng/năm sinh	02/11/1987		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> Từ 09/2009–04/2010: thử việc tại phòng kế toán Công ty CP Cơ khí An Giang Từ 05/2010 – nay: Nhân viên kế toán CTCP Cơ khí An Giang 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty			
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên		
Số lượng cổ phần nắm giữ	10.034 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,31%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	10.034 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,31%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		

BÀ PHAN THỊ NGỌC LAN THANH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày/tháng/năm sinh	1981		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán		
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> Từ 08/2005 – 08/2011: Nhân viên kế toán CTCP Giấy Tân Việt Phát Từ 05/2012 – nay: Phụ trách kế toán Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang		
Số lượng cổ phần nắm giữ	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	Không		

BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

- Ông **Nguyễn Chí Thành** – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc: Xem sơ yếu lý lịch ở phần Hội đồng quản trị
- Ông **Trần Văn Thái** – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: Xem sơ yếu lý lịch ở phần Hội đồng quản trị
- Ông **Lê Thanh Vân** – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc: Xem sơ yếu lý lịch ở phần Hội đồng quản trị

BÀ PHAN THỊ TUYẾT VÂN – QUYỀN TP TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Ngày/tháng/năm sinh	07/08/1965		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> • Từ 1995–03/1999: Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí An Giang • Từ 4/1999–2007: Kế toán tổng hợp Công ty Cơ khí An Giang • Từ 2008–10/2014: Kế toán tổng hợp CTCP Cơ khí An Giang • Từ 01/12/2014 – 28/02/2017: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang • Từ 01/03/2017 – nay: Quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Q.TP Tài chính kế toán		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	TV BKS Công ty Antraco		
Số lượng cổ phần nắm giữ	15.254 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,46%
- Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	0 cổ phần	- Tỷ lệ:	0%
- Số cổ phần sở hữu cá nhân	15.254 cổ phần	- Tỷ lệ:	0,46%
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan	– Chồng Nguyễn Ngọc Minh: 19.107 cổ phần		

Thay đổi nhân sự năm 2017

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đoàn Trung Tính	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/02/2017
Bà Phan Thị Tuyết Vân	Quyền Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Bổ nhiệm ngày 01/03/2017

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	247	
1	Trình độ trên đại học	3	1,21%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	75	30,36%
3	Trình độ trung cấp	19	7,69%
4	Công nhân kỹ thuật	148	59,92%
5	Lao động phổ thông	2	0,81%
II	Theo loại hợp đồng lao động		
1	Hợp đồng không thời hạn	235	95,14%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	12	4,86%
III	Theo giới tính		
1	Nam	241	97,57%
2	Nữ	16	6,48%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.698.000	7.410.000	7.901.000	6.970.000

Chính sách nhân sự

Chính sách đào tạo:

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu công việc thực tế nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Chính sách lương thưởng, chế độ, trợ cấp:

Cơ khí An Giang áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên; thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm; nộp đầy đủ và đúng hạn về BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch cho người lao động định kỳ 2 năm 1 lần.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Năm 2017 Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị để thay đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tự động, nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty. cụ thể như:

- Tại Văn phòng Công ty: tổng giá trị đầu tư là 2.572.505.032 đồng bao gồm 1 máy chấn CNC lực chấn 300 tấn, 1 máy cắt plasma CNC bề rộng cắt hữu dụng 3,5 m, chiều dài cắt 16m.
- Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên: đầu tư 1 máy cắt plasma CNC giá trị là 481.041.100 đồng, ngoài ra còn đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng và trang bị nhỏ lẻ phục vụ sản xuất.
- Tại Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang đầu tư 1 máy phát điện giá trị 39.520.000 đồng.



Nhìn chung các thiết bị đầu tư tại VPCT và Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên phát huy hiệu quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra là tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm. Ở VPCT sau khi đầu tư thêm 1 máy chấn CNC và 1 máy cắt plasma CNC thì năng suất ở công đoạn tạo phôi tăng hơn trước đây gấp 5 lần, góp phần tăng năng suất chung của Công ty và mang lại hiệu quả cho đơn vị.

Về kế hoạch đầu tư năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động, đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng và các trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất thường xuyên của đơn vị, cụ thể như:

- Tại VPCT: sẽ đầu tư máy hàn Robot và máy gá đính dầm, bổ sung thêm máy cắt gọt CNC và xây dựng nhà xưởng.
- Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên: xây dựng văn phòng làm việc, nhà xưởng và trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,74	2,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,21	1,66
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	53,81%	44,60%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	116,48%	80,49%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,56	4,34
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,50	1,08
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	9,21%	16,21%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	31,90%	34,30%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	13,85%	17,44%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,35%	14,95%

Về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty trong năm vừa qua được cải thiện đáng kể, do việc nợ ngắn hạn giảm mạnh từ việc chi phí sản xuất, thi công công trình giảm gần 10 tỷ đồng. Cùng với việc nợ dài hạn của Công ty không thay đổi, các rủi ro về thanh toán của Công ty là không đáng kể.

Về cơ cấu vốn: Với việc tổng nợ trong năm giảm mạnh do nợ ngắn hạn giảm và nợ dài hạn không thay đổi như đã đề cập ở trên, dẫn đến việc các hệ số nợ/ tổng tài sản giảm từ 53,81% xuống 44,60% và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm từ 116,48% xuống 80,49%.

Về năng lực hoạt động: Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty gặp nhiều khó khăn do tình hình cạnh tranh gay gắt, nên dẫn đến việc doanh thu thuần và giá vốn hàng bán của Công ty giảm đáng kể so với năm 2016. Từ đó dẫn đến việc các hệ số về năng lực hoạt động của Công ty như vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản có phần suy giảm.

Về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng mạnh. Mặc dù do hoạt động kinh doanh chính của Công ty gặp nhiều khó khăn nhưng doanh thu từ hoạt động tài chính, cụ thể là lãi từ liên doanh Antraco trong năm vừa qua tăng gần 7 tỷ đồng, dẫn đến việc lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty đều tăng tương đối cao so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, các hệ số ROS, ROA và ROE của Công ty đều đồng loạt tăng so với cùng kỳ năm trước.

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.286.404 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 3.286.404 cổ phiếu
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ Cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	180	3.286.404	32.864.040.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	3	1.684.946	16.849.460.000	51,27%
2	Cổ đông cá nhân	177	1.601.458	16.014.580.000	48,73%
II	Cổ đông ngoài nước	-	-	-	-
1	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		180	3.286.404	32.864.040.000	100%

Danh sách cổ đông lớn (tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Tên cổ đông	Giấy chứng nhận ĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN - CTCP (VEAM)	0100103866	Lô D, khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	1.558.072	47,41%
Tổng cộng				1.558.072	47,41%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:

- Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.
- Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.

Ngoài ra, Công ty có xây dựng đề án bảo vệ môi trường, đồng thời đã thực hiện đầy đủ các nội dung giải pháp trong đề án đưa ra, nhằm đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động và bảo vệ môi trường chung, các công trình cụ thể như: các bể xử lý nước thải sinh hoạt của người lao động, thiết bị xử lý bụi, nhà để rác thải nguy hại, trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt, nhà chứa phế liệu,...

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty, Công đoàn cơ sở luôn luôn quan tâm và chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; hỗ trợ, giúp đỡ gia đình khi gặp khó khăn; phát quà cho con em cán bộ, nhân viên của Công ty nhân ngày Lễ Quốc tế Thiếu nhi.

Hỗ trợ cho Trường học vùng sâu vùng xa, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện như thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà ở cho công nhân khó khăn,... năm 2017 thực hiện với tổng số tiền là: 231.912.872 đồng.

Tại Công ty Liên doanh Antraco hỗ trợ đất đá cho công trình nông thôn mới ở các xã, trường học, đường nông thôn, nhà đồng đội, nhà cựu chiến binh..... trị giá 2,4 tỷ đồng. hỗ trợ 2 căn nhà đại đoàn kết tại phường Mỹ bình trị giá 70 triệu đồng, 2 căn nhà đại đoàn kết tại xã Cần Đăng trị giá 50 triệu đồng.



Quyền lợi đối với người lao động

Công ty thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 247 cán bộ, nhân viên, người lao động và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân; Tổ chức huấn luyện ATVSLĐ-PCCN cho 232 người thuộc nhóm 1,2 và 3; Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định; Thực hiện việc tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp Tết nguyên đán Đinh Dậu năm 2017; Triển khai thực hiện tháng hành động ATVSLĐ lần thứ 1 năm 2017.

Về công tác phòng chống cháy nổ Công ty có xây dựng phương án PCCC, trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định cơ quan chức năng. Ngoài ra, hằng năm Công ty đều có tổ chức cho cán bộ, nhân viên và người lao động tham dự các lớp tập huấn về PCCC và an toàn lao động.

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

31

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

33

Tình hình tài chính

34

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

35

Kế hoạch phát triển trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỉ lệ % so với	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG					
1	Tổng doanh thu	Triệu	219.100	170.768	77,94%	80,78%
	- Doanh thu Sản xuất		191.600	130.055	67,88%	72,53%
	- Doanh thu Liên doanh		9.500	21.068	221,77%	146,19%
	- Doanh thu nội bộ		18.000	19.645	109,14%	111,25%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu	11.700	21.320	182,22%	124,31%
3	Tỉ suất LNSX trước thuế/DTSX	%	1,05	0,19	18,10%	12,42%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu	11.260	21.087	187,27%	127,65%
5	Tỉ suất cổ tức/vốn điều lệ	%	21,36	39,93	186,94%	125,72%
II	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO					
1	Doanh thu	Triệu	275.390	355.065	128,93%	99,59%
2	Lợi nhuận trước thuế		39.000	47.843	122,67%	67,27%
3	Tỉ suất LNSX /DT	%	14,16	13,47	95,13%	67,52%



Nhận xét đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017:

Công ty cổ phần Cơ khí An Giang:

Lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra và có tăng so cùng kỳ. Lợi nhuận tăng chủ yếu là thu nhập từ liên doanh, hoạt động SXKD lợi nhuận rất thấp do nhiều nguyên nhân khách quan như: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của máy nông nghiệp là 1.706 triệu đồng, trợ cấp thôi việc 819 triệu đồng, ngoài ra do phải cạnh tranh quyết liệt để giữ khách hàng nên có những hợp đồng phải nhận mặc dù chỉ hoà vốn thậm chí bị lỗ, bên cạnh đó phải tăng cường công tác thị trường nên chi phí quảng cáo tiếp thị tăng.

Tổng lợi nhuận trước thuế vượt so với kế hoạch, nguyên nhân là do và sử dụng vốn có hiệu quả, nên đã tiết kiệm được chi phí lãi vay rất lớn và do thu lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên doanh ANTRACO khá cao (đến cuối năm tại Văn phòng Công ty không còn nợ vay ngân hàng).

Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh, đảm bảo duy trì đầy đủ khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán, khoản phải trả Tổng Công ty và cổ tức cho cổ đông.

Công ty TNHH Liên doanh Antraco:

- Doanh thu đạt 128,93% so kế hoạch và bằng 99,59% so cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 122,67% kế hoạch và bằng 67,27% so cùng kỳ.
- Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, đảm bảo đời sống người lao động.
- Tình hình tài chính Công ty thừa đảm bảo thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ của nhà cung cấp.

Một số công tác khác:

Thị trường kinh doanh:

Công ty giới thiệu các sản phẩm trên website và các trang phương tiện truyền thông đại chúng, đồng thời tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, quảng cáo trên báo đài, sử dụng tờ rơi để tiếp cận người tiêu dùng, nhằm giới thiệu chính sách bán hàng, chất lượng và công dụng các sản phẩm của Công ty.

Sử dụng kênh phân phối các sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng thông qua các đại lý, Công ty đã có các chính sách linh hoạt nhằm giữ lấy các thị trường hiện có và mở rộng các thị trường mới.

Thường xuyên phối hợp với các đại lý công ty, các Trung Tâm Khuyến Nông các tỉnh để thao diễn quảng bá sản phẩm mới.



Công tác tổ chức:

Từ đầu năm đến nay, tình hình nhân sự tương đối biến động có gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Trong số công nhân nghỉ việc có nhiều người có bằng cấp là Trung cấp, Cao đẳng có nhiều năm công tác và có tay nghề cao.



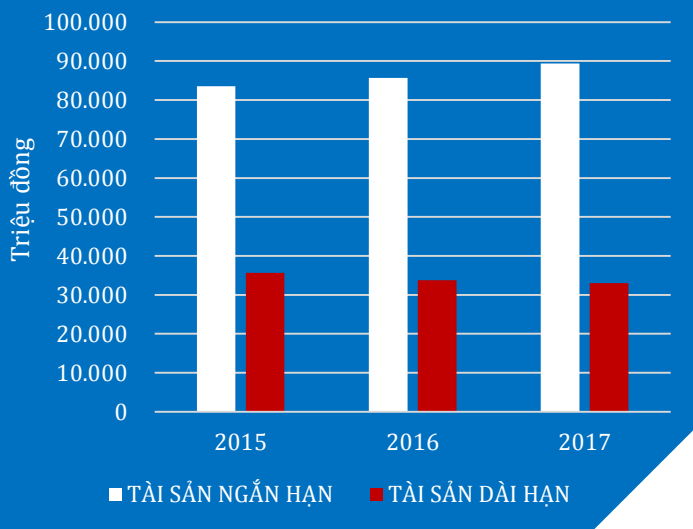
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Tài sản ngắn hạn	85.672	89.325	4,26%	71,71%	73,02%
Tài sản dài hạn	33.792	33.003	-2,33%	28,29%	26,98%
Tổng tài sản	119.465	122.328	2,40%	100%	100%

Tình hình tài sản qua các năm



Năm 2017, tổng tài sản của Công ty tăng 2,40%, không đáng kể so với năm 2016. Trong đó, chủ yếu mức tăng đến từ tài sản ngắn hạn, cụ thể là từ khoản phải thu ngắn hạn lãi liên doanh từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Ngoài ra, tài sản dài hạn trong năm qua có giảm 2,33% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do việc các công trình hiện đang xây dựng dở dang của Công ty như Khu dân cư Cơ khí An Giang và một số công trình khác đã hoàn thiện và thực hiện thanh lý nên dẫn đến sụt giảm của tài sản dài hạn trong năm.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017
Nợ ngắn hạn	49.280	39.554	-19,74%	76,66%	72,50%
Nợ dài hạn	15.000	15.000	0,00%	23,34%	27,50%
Tổng nợ phải trả	64.280	54.554	-15,13%	100%	100%

Trong năm vừa qua, nợ ngắn hạn của Công ty giảm 19,74%, đến từ việc các khoản chi phí phải trả ngắn hạn, cụ thể là chi phí sản xuất, thi công công trình giảm gần 10 tỷ đồng. Đây là nguyên do chủ yếu dẫn đến việc tổng nợ trong năm giảm 15,13% so với cùng kỳ năm 2016, do nợ dài hạn của Công ty không thay đổi trong năm vừa qua.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nghiên cứu phát triển:

Năm 2017, Công ty đã triển khai nghiên cứu, thiết kế, thử nghiệm và đưa vào thương mại hóa 07 sản phẩm mới, cụ thể như sau:

- Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, về việc thu hoạch cây lúa ở thị trường nước ngoài, Công ty đã triển khai nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thử nghiệm thành công và đưa vào thương mại hóa ở thị trường này với sản phẩm mới máy gặt lúa GX120TB.
- Xuất phát từ nhu cầu chuyển đổi cây trồng, tăng giá trị sản xuất nông nghiệp, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu ở trong và ngoài nước. Công ty đã triển khai nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới máy gặt 4 trong 1 GX120FM, tức là 1 máy gặt được 4 loại cây như: lúa, cỏ lá xẻ, bắp, mè. Hiện nay máy đã được thử nghiệm hoạt động tốt với các loại cây trên, đang trình diễn, giới thiệu sản phẩm ở một số vùng trong và ngoài nước (đã bán 01 máy trong nước và 01 nước ngoài).
- Tiếp tục phát huy thế mạnh trong nghiên cứu, thiết kế, chế tạo cơ khí, từ đầu năm đến nay Công ty đã nghiên cứu, thiết kế và đưa vào thương mại hóa 04 sản phẩm mới về cầu thép, các loại cụ thể như: Cầu thép 3.6HC, tải H8, nhịp 33m; Cầu vòm CV4.5, tải H8, nhịp dài 51m; Cầu thép NT2.6DA, nhịp 18m; Cầu NT2.6DB, nhịp 27m. 04 loại cầu thép này đã được bán trong và ngoài tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long.
- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có sản lượng trái cây và thủy sản lớn, nhu cầu làm khô các sản phẩm này ngày càng tăng. Vì vậy, Công ty đã triển khai nghiên cứu thiết kế chế tạo sản phẩm mới máy sấy nhiệt độ thấp năng suất 500kg/ mẻ (đối với khô cá lóc), máy có công dụng làm khô các loại thủy sản và trái cây như: cá lóc, cá tra, xoài, khổ qua, bánh phồng.... Máy có ưu điểm là điều khiển tự động hoàn toàn, sản phẩm sau khi sấy giữ được màu, mùi và vị, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, máy đang được giới thiệu và trình diễn chào bán một số vùng trong và ngoài Tỉnh. Hiện nay Công ty liên kết với Trung tâm Khuyến nông An Giang để chào bán sản phẩm này thông qua các chương trình hỗ trợ của Tỉnh.



Sáng kiến, cải tiến liên tục, thực hiện 5S và ISO:

Năm 2017, Công ty phát động phong trào đề xuất sáng kiến, cải tiến liên tục, kết quả có 176 sáng kiến cá nhân và 22 sáng kiến nhóm, trong đó có 01 cá nhân đạt giải nhất và 1 cá nhân đạt giải nhì được Tổng công ty tặng thưởng.

Tổ Kiểm tra và Duy trì 5S của Công ty luôn duy trì tốt công tác kiểm tra 5S (kiểm tra định kỳ hàng tháng và kiểm tra đột xuất) trong Công ty nên tại các phòng chức năng và các xưởng sản xuất đều duy trì thường xuyên công tác sàng lọc, sắp xếp ngăn nắp và vệ sinh sạch sẽ nơi làm việc.

Tiếp tục duy trì áp dụng thực hiện hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đang triển khai thực hiện cập nhật phiên bản mới đối với hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định năm 2018 tiếp tục tồn tại và phát sinh thêm nhiều khó khăn hơn năm 2017; các vấn đề về biến động tỉ giá tiền tệ, giá cả, lạm phát sẽ có thể ở mức cao hơn năm 2017. Cùng chung nhận định đó, Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam cũng khuyến cáo các Công ty thành viên trong việc xây dựng kế hoạch năm 2018 như:

- Đảm bảo sản xuất ổn định và có tăng trưởng nhẹ.
- Đảm bảo đời sống của người lao động.
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ về Thuế đối với Nhà nước.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm.

Trên tinh thần đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	TH2017	KH2018	% 2018/2017
I	CTY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG				
1	Tổng Doanh thu	Triệu	170.768	202.476	118,57%
	- Sản xuất		130.055	172.976	133,00%
	- Liên doanh		21.068	9.500	45,09%
	- Nội bộ		19.645	20.000	101,81%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu	21.320	11.464	53,77%
3	Tỷ suất LN trước thuế/ DTSX	%	0,19	1,14	600,00%
4	Tỷ suất cổ tức/ vốn điều lệ	%	39,93	20,98	52,54%
5	Nộp ngân sách	Triệu	7.152	5.509	77,03%
6	Lao động bình quân	Người	249	265	106,43%
7	Tiền lương b/q người LĐ	Triệu	6,970	8,350	119,80%
8	Tổng quỹ tiền lương	-	20.825	26.560	127,54%
9	Đầu tư XDCB	-			
II	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO				
1	Doanh thu	Triệu	355.065	295.000	83,08%
2	Lợi nhuận trước thuế		47.843	42.000	87,79%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT	%	13,47	14,24	105,72%
4	Nộp ngân sách	Triệu	61.634	62.000	100,59%
5	Tiền lương b/q người LĐ	Ngđ/ng/thg	10,877	10,877	100,00%



Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của pháp luật.
- Điều hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.
- BGD điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội qui, qui chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

39

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

40

Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

40

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG



ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2017 thực hiện:

Công việc điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; Sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; Sửa chữa nhà làm việc, nhà xưởng sản xuất; Mua sắm thêm dụng cụ làm việc, trang bị thêm các công cụ bảo hộ lao động, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.

Năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị để đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tự động, nhằm tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty, cụ thể như: Tại Văn phòng Công ty đầu tư 01 máy chấn tôn CNC lực chấn 300 tấn, 01 máy cắt plasma CNC bề rộng cắt hữu dụng 3,5m, chiều dài cắt 16m; tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên đầu tư 01 máy cắt plasma CNC...

Nhìn chung, các thiết bị đầu tư phát huy hiệu quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra là tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm. Ở Văn phòng Công ty sau khi đầu tư thêm 01 máy chấn CNC và 01 máy cắt plasma CNC, thì năng suất ở công đoạn tạo phôi tăng hơn trước đây khoảng 05 lần, góp phần tăng năng suất chung của Công ty và mang lại hiệu quả cho đơn vị.

Thực hiện việc xây dựng báo cáo đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung, công suất 10 triệu viên gạch ống trên năm. Tuy nhiên, qua khảo sát giá thiết bị dây chuyền, giá nguyên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí đầu tư nhà xưởng, làm đường nội bộ, hệ thống cống thoát nước, chi phí đầu tư thiết bị phụ trợ, giá sản phẩm, ... thì đầu tư nhà máy gạch không nung tại vị trí đóng sà lan của Công ty trong giai đoạn này giá trị mang lại hiệu quả rất thấp, Công ty tiếp tục nghiên cứu khi nào có hiệu quả thì đầu tư.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2017, phát động phong trào đề xuất sáng kiến, cải tiến liên tục, kết quả có 176 sáng kiến cá nhân và 22 sáng kiến nhóm, từ đó đã làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng; về thị trường, ngoài việc trực tiếp xuất khẩu sản phẩm sang Vương Quốc Campuchia Công ty còn liên kết với các Công ty xuất khẩu máy Nông nghiệp sang nhiều nước trong khu vực.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm sản phẩm mới. Trong năm đã nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm và đưa vào thương mại hóa 06 sản phẩm mới ở thị trường trong và ngoài nước như: Máy gặt lúa xếp dây GX120TB, Máy gặt GX120FM 4 trong 1; Cầu thép 3.6HC, tải H8, nhịp 33m; NT2.6DA, nhịp 18m; cầu NT2.6DB, nhịp 27m; cầu vòm CV4.5, tải H8, nhịp dài 51m. Ngoài ra, Công ty đang tổ chức thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm 10 Máy cắt mè với tổng kinh phí 1,1 tỷ đồng, trong đó Sở khoa học và Công nghệ An Giang hỗ trợ 210 triệu đồng, thời gian hoàn thành của dự án tháng 7/2018.

BGD điều hành đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.

Công ty đang duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, đồng thời đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010, An toàn sức khỏe nghề nghiệp - An sinh xã hội OHSAS 18001-2007 và duy trì thực hiện tốt chương trình 5S trong toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty đang thực hiện việc chuyển đổi từ ISO 9001:2008 sang ISO 9001:2015 và từ ISO14001:2010 sang ISO 14001:2015.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Trong năm 2017, HĐQT và BGĐ điều hành Công ty cổ phần Cơ khí An Giang đã rất cố gắng thực hiện NQ của ĐHĐCĐ, thực hiện nộp thuế đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và cố gắng nâng cao đời sống của người lao động.

BGĐ điều hành cũng đã xây dựng được sự đoàn kết nội bộ tốt, làm cho người lao động ý thức được trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ, qua đó đảm bảo đời sống của bản thân và gia đình, góp phần phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập kinh tế.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.

Lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của pháp luật.

Điều hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.

Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.

BGĐ điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, qui chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

43

Hoạt động của Hội đồng quản trị

44

Hoạt động của Ban kiểm soát

47

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch
2	Nguyễn Chí Thành	Thành viên
3	Trần Văn Thái	Thành viên
4	Lê Thanh Vân	Thành viên
5	Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên

HĐQT luôn bám sát Điều lệ Công ty, NQ của ĐHĐCĐ và diễn biến thực tế của nền kinh tế trong và ngoài nước để chỉ đạo BGĐ trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 cho thấy có chỉ tiêu chủ yếu đạt vượt kế hoạch, có chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch. Tuy vậy, chúng ta cũng cần phải đánh giá đúng mức sự nỗ lực, đồng thời ghi nhận thành quả đó của HĐQT, BGĐ điều hành và người lao động trong toàn Công ty.

Năm 2017, HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất đúng theo quy định, tại các kỳ họp này, những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết đều được đưa ra thảo luận cho đến khi các thành viên thống nhất đưa vào NQ để làm cơ sở cho BGĐ triển khai thực hiện.

Trong năm, HĐQT đã thực hiện những công việc chủ yếu sau đây:

- Tư vấn và giám sát hoạt động của BGĐ điều hành trong việc thực thi NQ của ĐHĐCĐ, NQ của HĐQT và kế hoạch SXKD của mỗi quý và cả năm.
- Các thành viên HĐQT làm việc nghiêm túc và có trách nhiệm trong phân tích tình hình Tài chính, đánh giá các kết quả hoạt động của Công ty, cảnh báo sự biến động của thị trường, ... Qua đó đề xuất giải pháp xử lý, đưa ra các kiến nghị thiết thực cho công tác quản trị và điều hành Cty.
- Ký duyệt các Dự án, các Quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Xem xét và cho ý kiến đối với việc thông qua kết quả SXKD, trích lập quỹ, phân phối Cổ tức năm 2017 và cho ý kiến đối với Kế hoạch SXKD năm 2018.
- Thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Sàn UPCOM).
- Chuẩn bị tài liệu, dự kiến nhân sự và nội dung chương trình để tiến hành Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018,...

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin với các Thành viên HĐQT, BGĐ điều hành và BKS, qua đó thống nhất phương hướng và cách thức thực hiện nhiệm vụ nhanh nhất, hiệu quả nhất.



STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Quách Kim Long	Trưởng ban
2	Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên

Ban Kiểm soát tập trung đến những hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực trọng yếu sau đây:

- Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2017.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm năng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý Công ty.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban giám đốc trong năm 2017, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty; giám sát việc thực thi những kiến nghị do kiểm toán đưa ra.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Hoạt động giám sát

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo đúng quy định điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2017, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - Phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty.
 - Chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017.
 - Phê duyệt chủ trương ký Hợp đồng cho vay hạn mức số 41/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHI và Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 15/2017-HĐCBLHM/NHCT740-CO KHI với Ngân hàng Công thương An Giang.
 - Phê duyệt chủ trương ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Thế giới di động.
 - Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2017.
 - Phê duyệt các thủ tục liên quan đến mua sắm, chế tạo máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành để chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cùng với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Giám đốc đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.
- Giám đốc đã có những giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh và nâng cao công tác quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD và chủ động có nhiều giải pháp cả về thị trường, đa dạng hóa dịch vụ, xử lý tài chính, tiết kiệm chi phí,... Tập thể Công ty có sự đoàn kết, nhất trí cao đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, khắc phục những khó khăn, quyết tâm duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn khó khăn hiện nay.



Kết quả giám sát

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán DCPA về báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty. Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2017 của Công ty.



Kế hoạch hoạt động năm 2018

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2018 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo qui định của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;

Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Thù lao	Lương	Thưởng
A	Hội đồng quản trị			
1	Võ Thanh Tuấn	48.000.000		15.000.000
2	Nguyễn Chí Thành	36.000.000		7.000.000
3	Trần Văn Thái	36.000.000		7.000.000
4	Lê Thanh Vân	36.000.000		7.000.000
5	Nguyễn Minh Ngọc	36.000.000		7.000.000
B	Ban kiểm soát			
1	Quách Kim Long	36.000.000		5.000.000
2	Nguyễn Thanh Vi	18.000.000		3.000.000
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	18.000.000		3.000.000
C	Ban Giám đốc			
1	Nguyễn Chí Thành		558.766.891	140.493.836
2	Trần Văn Thái		338.209.660	87.418.594
3	Lê Thanh Vân		336.396.160	86.812.619
4	Phan Thị Tuyết Vân		199.210.200	41.770.113



Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Trong năm vừa qua, Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết cho Nghị định 71 đã được Ban Lãnh đạo Công ty lưu ý cập nhật, nhằm thực hiện chính xác các quy định mới nhất về quản trị công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

51

Báo cáo của Ban Giám đốc

53

Báo cáo kiểm toán độc lập

55

Báo cáo tài chính kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó giám đốc
Ông Lê Thanh Vân	Phó giám đốc
Ông Đoàn Trung Tính	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 01/02/2017)
Bà Phan Thị Tuyết Vân	Quyền Trưởng phòng Tài chính - Kế toán (bổ nhiệm ngày 01/03/2017)

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các Công ty con trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Chí Thành

Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018



Số: 17.021.242/SG



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang và các Công ty con (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/03/2018, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang và các Công ty con tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần như trên, mà chúng tôi xin lưu ý người sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất các vấn đề sau:

- Như đã trình bày tại thuyết minh của khoản mục Vay, khoản vay Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty TNHH bao gồm các khoản vay từ năm 2009 đến năm 2012 theo các Hợp đồng hỗ trợ vốn và Giấy nhận nợ. Theo các Hợp đồng này, khoản vay đã đến hạn thanh toán trước và trong năm 2012. Tuy nhiên, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp chưa yêu cầu hoàn trả và Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đang thực hiện thủ tục để chuyển thành khoản vay dài hạn.
- Như đã trình bày tại thuyết minh của khoản mục Doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính năm 2017 của Công ty bao gồm số lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco, trong đó 9.500.000.000 đồng, là lợi nhuận dự tính được chia từ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Chênh lệch giữa số liệu dự tính và lợi nhuận được chia chính thức sẽ được điều chỉnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm tiếp theo.



Nguyễn Tuấn Anh
Phó Giám đốc

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0742-2018-091-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN DCPA**

TP Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Trang
Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận Đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 4194-2017-091-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.325.094.872	85.672.199.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.147.847.042	6.544.839.512
1. Tiền	111		4.147.847.042	6.544.839.512
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.240.025.800	53.115.716.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	35.471.525.758	46.670.620.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.272.624.899	1.686.967.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	24.662.855.979	5.925.109.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(1.166.980.836)	(1.166.980.836)
III. Hàng tồn kho	140	7	23.641.258.531	25.901.154.780
1. Hàng tồn kho	141		24.124.973.708	26.384.869.957
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(483.715.177)	(483.715.177)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		295.963.499	110.488.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	185.557.615	110.488.695
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	110.405.884	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.003.381.461	33.792.306.497
I. Tài sản cố định	220		23.458.628.195	23.023.783.366
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	23.458.628.195	23.014.700.033
- Nguyên giá	222		46.862.085.281	43.769.019.149
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.403.457.086)	(20.754.319.116)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	9.083.333
- Nguyên giá	228		66.333.790	66.333.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(66.333.790)	(57.250.457)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		817.313.850	1.967.310.681
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	817.313.850	1.967.310.681
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	7.956.213.357	7.956.213.357
IV. Tài sản dài hạn khác	260		771.226.059	844.999.093
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	747.836.262	784.631.494
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	23.389.797	60.367.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		122.328.476.333	119.464.506.034

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		54.554.302.638	64.279.851.624
I. Nợ ngắn hạn	310		39.554.302.638	49.279.851.624
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		7.172.822.913	6.028.039.294
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.381.439.878	1.739.350.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.907.911.154	3.782.909.264
4. Phải trả người lao động	314		806.771.001	4.286.686.085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	7.062.763.449	16.792.676.567
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		210.577.000	210.577.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.197.135.153	9.883.923.458
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	9.199.697.742	4.117.363.017
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		213.778.984	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.401.405.364	2.438.325.943
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000.000	15.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	15.000.000.000	15.000.000.000
D. NGUỒN VỐN	400		67.774.173.695	55.184.654.410
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	67.752.216.157	55.178.620.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.067.439.602	7.731.712.625
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.556.304.130	1.461.547.117
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.264.432.425	13.121.320.330
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.957.538	6.034.338
1. Nguồn kinh phí	431		21.957.538	6.034.338
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		122.328.476.333	119.464.506.034



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018



Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	130.076.805.711	179.323.939.879
2. Các khoản giảm trừ	02		21.600.000	14.153.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		130.055.205.711	179.309.786.879
4. Giá vốn hàng bán	11	20	107.477.781.270	148.400.444.256
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.577.424.441	30.909.342.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	21.232.615.882	14.443.317.992
7. Chi phí tài chính	22	22	1.363.999.802	1.286.192.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.352.231.718	1.286.192.428
8. Chi phí bán hàng	25	23	3.984.773.068	5.375.315.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	19.023.711.288	21.932.872.774
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.437.556.165	16.758.279.630
11. Thu nhập khác	31	25	2.915.941.586	513.315.144
12. Chi phí khác	32	26	1.033.570.613	122.084.667
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	40		1.882.370.973	391.230.477
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	50		21.319.927.138	17.149.510.107
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	195.476.211	690.372.274
16. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	36.977.802	(60.367.599)
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	60		21.087.473.125	16.519.505.432
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	6.417	5.027



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính - Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MÃ B 03-DN/HN	
			Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01		21.319.927.138	17.149.510.107
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.658.221.303	2.548.024.291
- Các khoản dự phòng	03		-	58.136.966
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.076.127)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22.013.683.467)	(14.441.719.084)
- Chi phí lãi vay	06		1.352.231.718	1.286.192.428
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		3.315.620.565	6.600.144.708
trước thay đổi vốn lưu động				
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		20.892.245.406	27.938.710.262
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		2.259.896.249	2.966.277.467
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11		(22.347.498.166)	(23.544.809.941)
(không gồm lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)				
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(38.273.688)	400.288.033
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.347.655.612)	(1.456.114.452)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(912.213.628)	(548.702.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		398.000.000	2.067.946.059
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.014.563.391)	(3.976.729.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(794.442.265)	10.447.010.844
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(3.102.016.846)	(1.112.224.931)
và các tài sản dài hạn khác				
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		1.805.295.000	-
và các tài sản dài hạn khác				
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.098.438.789	11.721.687.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(198.283.057)	10.609.462.478

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		68.525.984.406	58.532.998.138
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.443.649.681)	(73.931.749.652)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.487.678.000)	(5.014.736.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.405.343.275)	(20.413.487.514)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.398.068.597)	642.985.808
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60		6.544.839.512	5.901.853.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		1.076.127	-
Tiền và tương đương tiền tồn cuối năm	70		4.147.847.042	6.544.839.512




Nguyễn Chí Thành

Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018




Phan Thị Tuyết Vân

Quyền Trưởng phòng

Tài chính - Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 06 năm 2017.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Trụ sở của Công ty được đặt tại Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

1. Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại
2. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá
3. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép
Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép
4. Đúc sắt, thép
Chi tiết: Đúc kim loại, á kim
5. Sản xuất máy chuyên dụng khác
Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị
6. Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện
7. Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơmoóc
Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác
Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ
8. Tái chế phế liệu
Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại
9. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật
Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình
10. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng
11. Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép
Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan tới công trình
Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ
Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy
12. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)
14. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)
15. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại
16. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô
17. Sản xuất mô tô, xe máy
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại
18. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bò
19. Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Khai thác nước khoáng
20. Đóng tàu và cấu kiện nổi
Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan
21. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống.

Cấu trúc doanh nghiệp hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập trên cơ sở hợp nhất Công ty và các Công ty con được liệt kê dưới đây:

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ kiểm soát
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang (*)	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên (**)	100%	100%

(*) Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602011321, ngày 30/05/2016.

(**) Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1602014273, ngày 12/07/2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang được hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên được hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh đồng kiểm soát là Công ty mà các chủ sở hữu có tỷ lệ quyền kiểm soát ngang bằng nhau trong việc quyết định tới chính sách tài chính và chính sách hoạt động của Công ty. Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc do đáp ứng điều kiện lựa chọn không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty là Công ty con của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – Công ty Cổ phần và các cổ đông khác đã được thông báo và không phản đối về việc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư liên doanh. Ngoài ra Công ty không phải là đơn vị có lợi ích công chúng và công bố báo cáo tài chính hợp nhất trên thị trường chứng khoán.

Loại trừ giao dịch nội bộ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ giữa Công ty và các Công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện chi phí mua các phần mềm máy tính, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng và máy móc đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt. Không tính khấu hao cho các công trình đang xây dựng và lắp đặt dở dang.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc như đã trình bày tại phần cơ sở hợp nhất.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty với thời hạn dưới một năm. Các khoản chi phí này được ghi nhận toàn bộ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính hiện tại hoặc được phân bổ tối đa là một năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác là giá trị hàng hóa và dịch vụ Công ty đã mua nhưng chưa thanh toán trước ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản công nợ phải trả này được phân loại là công nợ ngắn hạn nếu thời hạn thanh toán ngắn hơn hoặc bằng 1 năm; và được phân loại là dài hạn nếu thời hạn thanh toán trên một năm.

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các Công ty con và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chênh lệch tạm thời chịu thuế làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp, hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	571.848.865	1.300.814.319
Tiền gửi ngân hàng	3.575.998.177	5.244.025.193
Tổng cộng	4.147.847.042	6.544.839.512

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu ngắn hạn khách hàng	35.471.525.758	46.670.620.500
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.166.980.836)	(1.166.980.836)
Tổng cộng	34.304.544.922	45.503.639.664

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Phải thu người lao động (tạm ứng)	1.182.983.310	2.499.802.581
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	103.742.057	96.250.000
Phải thu khác		
- Phải thu lãi liên doanh từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco	23.068.897.223	3.000.000.000
- Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
- Phải thu khác	8.893.453	30.717.369
Tổng cộng	24.662.855.979	5.925.109.886

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Giá gốc		
Hàng mua đang đi trên đường	89.654.533	74.057.273
Nguyên liệu, vật liệu	9.393.870.564	8.481.460.759
Công cụ, dụng cụ	189.413.062	192.160.734
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.523.496.002	11.660.064.522
Thành phẩm	2.874.511.842	3.557.877.192
Hàng hoá	3.054.027.705	2.419.249.477
Cộng	24.124.973.708	26.384.869.957
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(483.715.177)	(483.715.177)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	23.641.258.531	25.901.154.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	185.557.615	110.488.695
Cộng	185.557.615	110.488.695
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	747.836.262	746.889.171
Chi phí khác	-	37.742.323
Cộng	747.836.262	784.631.494
Tổng cộng	933.393.877	895.120.189

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.765.200.332	2.334.327.076	3.365.839.581	1.733.687.827
Thuế xuất nhập khẩu				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	890.960.744	195.476.211	912.213.628	174.223.327
Thuế thu nhập cá nhân	126.748.188	598.622.292	835.776.364	(110.405.884)
Thuế nhà đất		2.038.195.833	2.038.195.833	-
	3.782.909.264	5.166.621.412	7.152.025.406	1.797.505.270
Trong đó:				
- Thuế phải thu	-			110.405.884
- Thuế phải nộp	3.782.909.264			1.907.911.154

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2016	18.942.886.523	17.463.048.906	7.017.373.020	345.710.700	43.769.019.149
Tăng trong năm	451.630.409	2.574.962.086	-	66.473.637	3.093.066.132
<i>Mua sắm mới</i>	-	2.574.962.086	-	66.473.637	2.641.435.723
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản</i>	451.630.409	-	-	-	451.630.409
Tại ngày 31/12/2017	19.394.516.932	20.038.010.992	7.017.373.020	412.184.337	46.862.085.281
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 31/12/2016	8.483.641.747	7.978.366.322	3.997.969.315	294.341.732	20.754.319.116
Tăng trong năm	725.434.367	1.388.942.443	517.516.936	17.244.224	2.649.137.970
<i>Trích khấu hao trong năm</i>	725.434.367	1.388.942.443	517.516.936	17.244.224	2.649.137.970
Tại ngày 31/12/2017	9.209.076.114	9.367.308.765	4.515.486.251	311.585.956	23.403.457.086
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2016	10.459.244.776	9.484.682.584	3.019.403.705	51.368.968	23.014.700.033
Tại ngày 31/12/2017	10.185.440.818	10.670.702.227	2.501.886.769	100.598.381	23.458.628.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.212.720.433 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 4.719.307.529 VNĐ).

Tại ngày 31/12/2017, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng như sau:

- Thế chấp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 36/2016/HĐTDHM/NHCT740-CƠ KHÍ ngày 25/05/2016 và số 41/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHI ngày 14/06/2017: 3.685.376.225 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 4.023.603.143 VNĐ)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VNĐ	Lợi thế thương mại VNĐ	Cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2016	65.000.000	1.333.790	66.333.790
Tại ngày 31/12/2017	65.000.000	1.333.790	66.333.790
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 31/12/2016	55.916.667	1.333.790	57.250.457
Tăng trong năm	9.083.333	-	9.083.333
<i>Trích khấu hao trong năm</i>	9.083.333	-	9.083.333
Tại ngày 31/12/2017	65.000.000	1.333.790	66.333.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2016	9.083.333	-	9.083.333
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-

Tại ngày 31/12/2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 66.333.790 VNĐ (tại ngày 31/12/2016: 41.333.790 VNĐ)

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2017 VNĐ	Năm 2016 VNĐ
Tại ngày 01/01	1.967.310.681	1.920.752.811
Tăng trong năm	263.206.123	429.210.746
Kết chuyển tăng TSCĐ	(451.630.409)	(356.894.512)
Thanh lý	(958.947.545)	-
Kết chuyển vào chi phí	(2.625.000)	(25.758.364)
Tại ngày 31/12	817.313.850	1.967.310.681

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (Tiếp theo)

Chi tiết số dư công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày báo cáo như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	1.479.547.545
Công trình khác	296.713.850	487.763.136
	<u>817.313.850</u>	<u>1.967.310.681</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	7.956.213.357
Tổng cộng	<u>7.956.213.357</u>	<u>7.956.213.357</u>

Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Tỷ lệ quyền đồng kiểm soát: 50%.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

<u>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.389.797	60.367.599
Tổng cộng	<u>23.389.797</u>	<u>60.367.599</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	1.107.154.082	1.102.577.976
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.690.844.923	15.491.920.157
Các khoản chi phí phải trả khác	264.764.444	198.178.434
Cộng	<u>7.062.763.449</u>	<u>16.792.676.567</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải trả về cổ phần hóa	7.634.811.183	7.634.811.183
Phải trả khác	-	-
- <i>Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả về Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN</i>	513.830.425	513.830.425
- <i>Phải trả về cổ tức</i>	-	1.558.072.000
- <i>Phải trả khác</i>	48.493.545	177.209.850
Tổng cộng	<u>8.197.135.153</u>	<u>9.883.923.458</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>31/12/2016</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>31/12/2017</u>
	VNĐ	trong năm	trong năm	VNĐ
		VNĐ	VNĐ	
a. Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN An Giang (*)	1.498.197.481	57.183.853.444	55.028.092.883	3.653.958.042
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long Xuyên (**)	2.619.165.536	11.342.130.962	8.415.556.798	5.545.739.700
Cộng	<u>4.117.363.017</u>	<u>68.525.984.406</u>	<u>63.443.649.681</u>	<u>9.199.697.742</u>
b. Vay dài hạn				
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Cộng	<u>15.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>15.000.000.000</u>

Vay ngắn hạn

(*) Bao gồm:

Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 36/2016/HĐTDHM/NHCT740-CƠ KHÍ ngày 25/05/2016 và số 41/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHI ngày 14/06/2017 với hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VNĐ để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được áp dụng theo lãi suất công bố từng lần nhận nợ. Lãi suất hiện hành vào thời điểm cuối năm là 6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang theo hợp đồng tín dụng số 86/2017-HĐCVHM/NHCT740-CO KHI LX ngày 20/10/2017 hạn mức vay không vượt quá 4.500.000.000 VNĐ, thời hạn đến 06/10/2018. Mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 04 tháng/ Giấy Nhận Nợ, lãi suất 6,5%/năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp hàng hoá số 71/2017/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 20/10/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 72/2017/HĐTC-CNAG-KHDN ngày 20/10/2017. Giá trị hàng hóa thế chấp tại thời điểm 31/12/2017: 4.769.988.224 VNĐ.

(**) Công ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ khí An Giang vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam bao gồm các hợp đồng tín dụng ngắn hạn có thời hạn vay 6 tháng bao gồm:

+ Hợp đồng hạn mức số số 02/2017/8620905 ngày 13/09/2017 có hạn mức cấp tín dụng là 3.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng hạn mức số số 03/2017/8620905 ngày 24/11/2017 có hạn mức cấp tín dụng là 4.500.000.000 đồng.

Mỗi giấy nhận nợ tối đa không quá 06 tháng/Giấy Nhận Nợ, lãi suất 6.5%/năm; khoản vay được bảo đảm bằng quyền đòi nợ từ các hợp đồng thi công xây dựng công trình đã ký kết có giá trị thế chấp là: 14.709.891.499 đồng.

Vay dài hạn

Khoản vay Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam theo Giấy nhận nợ Số 01 ngày 11/06/2009, Giấy nhận nợ Số 01 ngày 14/12/2010 và Hợp đồng hỗ trợ vốn Số 02/2012/VEAM-CKAG ngày 17/08/2012 để bổ sung vốn lưu động, với lãi suất theo lãi suất tiền gửi ngắn hạn của Tổng Công ty.

Theo Hợp đồng hỗ trợ vốn này, khoản vay đã đến hạn ngày 16/11/2012. Tuy nhiên, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp chưa yêu cầu hoàn trả và Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đang thực hiện thủ tục để chuyển thành khoản vay dài hạn. Thời hạn thanh toán của khoản vay dài hạn chưa được xác định.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Số dư tại 01/01/2016	32.864.040.000	5.267.791.708	623.088.166	9.292.379.619	48.047.299.493
Lãi năm trước	-	-	-	16.519.505.432	16.519.505.432
Phân phối các quỹ	-	2.463.920.917	838.458.951	(6.117.756.721)	(2.815.376.853)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Số dư tại 31/12/2016	32.864.040.000	7.731.712.625	1.461.547.117	13.121.320.330	55.178.620.072
Lãi năm nay	-	-	-	21.087.473.125	21.087.473.125
Phân phối các quỹ	-	3.335.726.977	1.094.757.013	(8.014.755.030)	(3.584.271.040)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.929.606.000)	(4.929.606.000)
Số dư tại 31/12/2017	32.864.040.000	11.067.439.602	2.556.304.130	21.264.432.425	67.752.216.157

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1
P. Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là:

	31/12/2017			31/12/2016		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ
Vốn góp nhà nước (Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam)	15.580.720.000	1.558.072	47,41%	15.580.720.000	1.558.072	47,41%
Cổ đông khác	17.283.320.000	1.728.332	52,59%	17.283.320.000	1.728.332	52,59%
	32.864.040.000	3.286.404	100,00%	32.864.040.000	3.286.404	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, phân chia lợi nhuận**Cổ tức**

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ tức năm trước	4.929.606.000	3.286.404.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	1.728.332.000
Tạm chia cổ tức năm nay	-	1.558.072.000
Tổng cộng	4.929.606.000	6.572.808.000

Cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu gộp		
Doanh thu bán hàng hóa	27.741.153.877	58.401.229.253
Doanh thu bán thành phẩm	101.814.939.834	119.488.549.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	520.712.000	1.434.160.727
	130.076.805.711	179.323.939.879
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	21.600.000	14.153.000
Doanh thu thuần	130.055.205.711	179.309.786.879

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	25.310.146.469	56.362.398.680
Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ	82.167.634.801	92.038.045.576
Tổng cộng	107.477.781.270	148.400.444.256

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.438.789	30.644.013
Lãi từ Liên doanh Antraco	21.068.897.223	14.411.075.071
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.678.077	1.598.908
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.076.127	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.525.666	-
Tổng cộng	21.232.615.882	14.443.317.992

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi tiền vay	1.352.231.718	1.286.192.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.768.084	-
Tổng cộng	1.363.999.802	1.286.192.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	497.736.052	488.403.188
Chi phí vật liệu bao bì đóng gói, vận chuyển	18.898.572	45.253.786
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	57.026.119	57.026.119
Chi phí bảo hành	328.917.155	629.499.829
Chi phí khuyến mại, hoa hồng, marketing	2.139.390.632	2.953.291.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	716.044.196	1.122.500.879
Chi phí khác	226.760.342	79.340.810
Tổng cộng	3.984.773.068	5.375.315.783

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	11.073.150.009	14.275.676.001
Chi phí vật liệu quản lý	-	342.677
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	249.661.060	252.553.807
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	849.361.194	1.019.658.737
Thuế và lệ phí	2.171.356.485	2.245.381.248
Chi phí dự phòng	222.636.714	58.136.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.197.988	1.079.743.457
Chi phí khác	3.406.347.838	3.001.379.881
Tổng cộng	19.023.711.288	21.932.872.774

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Thu từ bồi thường đất	1.805.295.000	-
Hoa hồng, chiết khấu bán hàng được hưởng	-	257.005.643
Khoản nhận bồi thường hợp đồng	87.475.081	-
Thu nhập khác	1.023.171.505	256.309.501
Tổng cộng	2.915.941.586	513.315.144

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Giá trị còn lại của đất bị thu hồi	958.947.545	-
Chi phí khác	74.623.068	122.084.667
Tổng cộng	1.033.570.613	122.084.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	21.319.927.138	17.149.510.107
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản làm giảm thu nhập chịu thuế	21.370.735.224	14.411.075.071
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	21.068.897.223	14.411.075.071
<i>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ đầu kỳ</i>	301.838.001	-
Cộng: Các khoản làm tăng thu nhập chịu thuế	1.028.189.139	713.426.338
<i>Chi phí không được trừ</i>	309.775.051	411.588.337
<i>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>	116.948.985	301.838.001
<i>Lỗ tính thuế chưa sử dụng</i>	601.465.103	-
Thu nhập chịu thuế	977.381.053	3.451.861.374
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	195.476.211	690.372.274

28. (THU NHẬP)/ CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.	60.367.599	-
Cộng	60.367.599	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.	(23.389.797)	(60.367.599)
Cộng	(23.389.797)	(60.367.599)
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.977.802	(60.367.599)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.087.473.125	16.519.505.432
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.087.473.125	16.519.505.432
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.286.404	3.286.404
Tổng Cộng	6.417	5.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.286.404	3.286.404
Số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.286.404	3.286.404

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 3.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.147.847.042	6.544.839.512
Phải thu khách hàng	34.304.544.922	45.503.639.664
Phải thu khác	23.172.639.280	3.096.250.000
Cộng	61.625.031.244	55.144.729.176
	31/12/2017	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	7.172.822.913	6.028.039.294
Chi phí phải trả	7.062.763.449	16.792.676.567
Phải trả khác	513.830.425	2.071.902.425
Vay và nợ thuê tài chính	24.199.697.742	19.117.363.017
Cộng	38.949.114.529	44.009.981.303

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch và số dư với các bên liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<u>Nghiệp vụ với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam		
Chia cổ tức	-	3.116.144.000
Cổ tức đã trả	3.895.180.000	1.558.072.000
Chi phí lãi vay	760.416.667	724.583.334
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Lãi liên doanh được chia	21.068.897.223	14.411.075.071
Lãi liên doanh đã nhận	1.000.000.000	11.611.075.071
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam		
Cổ tức phải trả	-	1.558.072.000
Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả	406.081.488	406.081.488
Lãi vay phải trả	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Phải thu lãi liên doanh	23.068.897.223	3.000.000.000

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày báo cáo, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang theo Hợp đồng thuê địa điểm với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
	VNĐ	VNĐ
Dưới 01 năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Trên 01 năm đến dưới 05 năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Trên 05 năm	18.662.258.608	20.653.048.360
Tổng Cộng	28.616.207.368	30.606.997.120



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 20 tháng 03 năm 2018

Phan Thị Tuyết Vân
Quyền Trưởng phòng
Tài chính – Kế toán



Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018.

Năm 2017 đi qua với nhiều cố gắng không mệt mỏi của cán bộ, nhân viên và người lao động toàn Công ty, kết quả đạt được tuy còn khiêm tốn nhưng cũng đã đáp ứng được một phần nhỏ sự mong đợi của nhiều người. Kết quả đó còn có sự đóng góp quan tâm hỗ trợ của Tỉnh uỷ, UBND Tỉnh An Giang và các cấp các ngành, còn có sự giúp đỡ kịp thời từ Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, có sự tín nhiệm quý báu của khách hàng gần xa, đặc biệt là sự tin tưởng khích lệ của quý cổ đông đối với hoạt động của Công ty với các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ điều hành.

Năm 2018 cũng qua đi hơn 1/3 thời gian, tuy chúng ta rất cố gắng nhưng kết quả chưa được như kỳ vọng của nhiều người. Vì vậy, chúng ta cần cố gắng nhiều hơn, tận dụng các ưu thế sẵn có, loại trừ các yếu kém, kịp thời nắm bắt cơ hội để đẩy mạnh SXKD nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Qua đó tạo được việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích của cổ đông và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách đúng qui định.

Thay mặt cán bộ, nhân viên và người lao động, thay mặt các thành viên HĐQT, BKS và BGĐ điều hành tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành đến Tỉnh uỷ, UBND tỉnh An Giang cùng quý vị lãnh đạo các cấp các ngành, cảm ơn Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, cảm ơn quý khách hàng gần xa đã hỗ trợ giúp đỡ Công ty trong thời gian qua. Đặc biệt xin được cảm ơn quý vị cổ đông vì đã tin tưởng vào sự phát triển của Công ty, tin tưởng vào tập thể HĐQT, BKS và BGĐ điều hành Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



NGUYỄN CHÍ THÀNH